

Số: 236/BC-THPTTVL

Thiên Trường, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2025-2026

(theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Trần Văn Lan.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đề Nhị, phường Thiên Trường, tỉnh Ninh Bình.

Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử): <http://thpt-tranvanlan.namdinh.edu.vn>.

- Loại hình: Trường Công lập.

- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

- Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

- Tầm nhìn: Là một trong những trường có chất lượng khá của tỉnh Nam Định mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên

- Mục tiêu giáo dục:

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Hoàn thành mục tiêu xây dựng trường Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 vào năm 2023.

- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THPT Trần Văn Lan thành lập năm 1999 theo Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 09/7/1999 của UBND tỉnh Nam Định. Khi thành lập trường chỉ có 10 lớp với tổng số gần 500 học sinh và 25 CB, giáo viên, nhân viên. Đến nay trường phát triển lên 24 lớp với 1022 học sinh và 61 cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, trường lớn mạnh cả về số lượng, chất lượng. Nhà trường đã tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới kiểm tra đánh giá, duy trì kỷ cương nề nếp, tham gia thực hiện tốt chương trình thí điểm chuyên ban và đổi mới giáo dục, thực hiện tốt các cuộc vận động:

“Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”... và các phong trào thi đua: “Dạy tốt - Học tốt”, “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”... Tất cả đã góp phần tích cực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, củng cố, khẳng định vị thế của trường.

Nhiều năm liền trường được công nhận là Tập thể lao động tiên tiến.

Nhà trường đạt nhiều thành tích trong các cuộc thi, hội thi, điển hình là Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, thi viết sáng kiến, thi HSG cấp tỉnh, thi KHKT, Hùng biện tiếng Anh. Nhiều thầy/cô giáo được công nhận là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; nhiều cán bộ, giáo viên, nhân viên được đề nghị chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, chiến sỹ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của UBND tỉnh, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2024-2025; nhiều thầy/cô có sáng kiến kinh nghiệm được công nhận phạm vi ảnh hưởng và áp dụng cấp ngành, cấp tỉnh...

Cơ sở vật chất nhà trường ngày càng khang trang theo hướng đảm bảo chuẩn hoá, hiện đại hoá. Phòng chức năng, phòng học bộ môn, phòng học của nhà trường được trang bị khá đầy đủ các thiết bị, đồ dùng dạy học theo quy định của trường chuẩn Quốc gia.

Trong năm học 2025-2026, thầy trò nhà trường đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, chất lượng giáo dục từng bước được khẳng định.

Chi bộ Đảng nhà Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025.

Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý:

1. Được công nhận là “Tập thể Lao động xuất sắc” năm học 2024 - 2025.
2. Đoàn trường được nhận Bằng khen của Trung ương Đoàn.

Tỉ lệ HS của nhà trường đỗ tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt 100% (Xếp thứ 57 toàn tỉnh Ninh Bình), thi đỗ vào các trường Đại học, Cao đẳng hàng năm đạt trên 75%. Đó là những cố gắng, nỗ lực của tập thể sư phạm nhà trường, cũng là niềm vui, niềm động viên đội ngũ luôn cố gắng để xây dựng nhà trường trở thành địa chỉ tin cậy của CMHS, HS và nhân dân trên địa bàn tỉnh Nam Định gửi gắm con em học tập tại trường.

Những thành tích của nhà trường được bắt nguồn từ đường lối, quan điểm giáo dục của Đảng, Nhà nước; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp uỷ đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, của ngành GD&ĐT cùng với sự chăm lo giúp đỡ tận tình của nhân dân phường Thiên Trường, của các bậc cha mẹ học sinh, các tổ chức chính trị-xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân hảo tâm qua các thời

kỳ, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, giáo viên, học sinh, nhà trường đã hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Mai Thị Lùng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Văn Lan

Số điện thoại: 0913399225.

Địa chỉ thư điện tử: lunghttv1@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

Chi bộ: 25 đảng viên trong đó 24 đảng viên chính thức.

- Nhà trường có tổng số 60 CBGV, NV trong đó BGH gồm 3 đồng chí; GV: 49 đồng chí; nhân viên: 08; được biên chế thành 5 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

- Đoàn thanh niên: gồm 24 chi đoàn học sinh, 1 chi đoàn cơ quan với tổng số 04 đoàn viên.

a) Quyết định thành lập¹: Trường THPT Trần Văn Lan thành lập từ năm 1999.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường²:

- Hội đồng trường THPT Trần Văn Lan được thành lập theo Quyết định số 509/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 04 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định. Hội đồng trường năm học 2025-2026 bao gồm 14 thành viên trong đó Chủ tịch Hội đồng trường là đồng chí Mai Thị Lùng – Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng cùng các thành viên khác là đồng chí Trần Cao Sơn - Trưởng phòng Văn hóa xã hội phường Vỵ Khê đại diện chính quyền địa phương, 02 đồng chí Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đoàn thanh niên, tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng, đại diện cha mẹ học sinh, học sinh.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng³:

¹ Quyết định số 858/1999/QĐ-UB ngày 09 tháng 07 năm 1999 của UBND tỉnh Nam Định; Quyết định 37/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình.

² Quyết định số 509/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 04 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định

³ Số 234 ngày 10/7/2025 Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý; Số 235 ngày 10/7/2025 Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý; Số 236 ngày 10/7/2025 Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức quản lý;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; sơ đồ tổ chức bộ máy⁴;

- Quy chế tổ chức và hoạt động

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức, hoạt động theo quy định, đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

Trường có 1 Hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng, 5 tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định. Các tổ có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường; năm học 2025 – 2026 trường có 24 lớp, sĩ số các lớp trung bình 42,79.

Công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục, có hệ thống hồ sơ lưu trữ theo quy định, lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành; không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

Trường trung học phổ thông Trần Văn Lan là cơ sở giáo dục phổ thông thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng. Nhiệm vụ, quyền hạn của trường được quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Cụ thể:

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

5. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

⁴ Quyết định số 136/QĐ-THPTTVL ngày 30/9/2024 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Trần Văn Lan

6. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

7. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy

Chi bộ: 24 đảng viên trong đó 24 đảng viên chính thức.

Nhà trường có tổng số 60 CBGV, NV trong đó BGH gồm 3 đồng chí; GV: 49 đồng chí; nhân viên: 08; được biên chế thành 5 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

Đoàn thanh niên: gồm 24 chi đoàn học sinh, 1 chi đoàn viên chức

d) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

- Họ và tên: Mai Thị Lùng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Văn Lan

Số điện thoại: 0913399225.

Địa chỉ thư điện tử: lunghttv1@gmail.com.

- Họ và tên: Cao Thị Nghĩa

Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Văn Lan

Số điện thoại: 0914779455.

Địa chỉ thư điện tử: nghiahpttvln@gmail.com.

-Họ và tên: Phạm Thị Gấm

Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Văn Lan

Số điện thoại: 0946117004.

Địa chỉ thư điện tử: gamhpttv1@gmail.com.

8. Các văn bản khác: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác⁵.

- Chiến lược phát triển

Trường THPT Trần Văn Lan đã xây dựng kế hoạch chiến lược và phát triển phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường; được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Hàng năm nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển và định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Hội đồng trường THPT Trần Văn Lan và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập theo quy định; Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định; Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường và các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường được xác định bằng văn bản số 76/KH-THPTTVL ngày 27/2/2021 và được Hội đồng trường phê duyệt ngày 27/5/2021.

Chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường được gửi tới toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên qua gmail cá nhân; được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng tin nhà trường có quyết định công khai; biên bản niêm yết; biên bản kết thúc niêm yết; được đăng tải trên Email: thpt.tranvanlan@namdinh.edu.vn và Website: <https://thpttranvanlan.ninhbinh.edu.vn/ke-hoach-chien-luoc-phat-trien-truong-thpt-tran-van-lan-giai-doan-2021-2025-tam-nhin-den-2030.html>

- Quy chế dân chủ

Quyết định số 81/QĐ-THPTTVL ngày 10/10/2025 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường THPT Trần Văn Lan và Quy chế kèm theo.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2025-2026

⁵ Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 ngày 20 tháng 10 năm 2020

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo; Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

S TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung Bình	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	60		13	49				47	5	0				
S TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn	49		10	39							20	29		
1	Toán	8		3	5				8			1	7		
2	Ngữ văn	9		2	7				9			2	7		
3	Tiếng Anh	5			5				4	1		1	4		
4	Vật lý	5		3	2				4	1		1	4		
5	Hoá học	5		2	3				4	1		2	3		
6	Sinh học	3			3				3			2	1		
7	Tin học	2			2				2			1	1		
8	Lịch sử	3			3				3			1	2		
9	Địa lí	2			2				2			2	0		
10	GDKT&PL	2			2				2			1	1		
11	GDQP& AN	1			1				1			1	0		
12	Giáo dục thể chất	3			3				3			1	2		
13	CNCN	1			1				1			1	0		
II	Cán bộ quản lý	3		3					1	2					
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2					1	1		2			
III	Nhân viên	8													
1	Nhân viên văn thư (CNTT)	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Bảo vệ	2						2							
8	Phục vụ	1					1								

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM HỌC 2025-2026

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	24	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	24	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	5	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	24/24	
8	Bình quân học sinh/lớp		
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m³)	16.250	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m³)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ³)	1.3m2/học sinh	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ³)	1.3m2/học sinh	
3	Diện tích thư viện (m ³)	52,92m ² /phòng	
4	Diện tích nhà tập đa năng (m ³)	1028m ²	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ³)	23,76m ² ;	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	03	
1.1	Khối 10	1	
1.2	Khối 11	1	
1.3	Khối 12	1	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo quy định		
2.1	Khối 10	1	
2.2	Khối 11	1	
2.3	Khối 12	1	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	

VIII	Tổng số máy tính đang sử dụng phục vụ học tập (đơn vị tính: bộ)			
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			
1	Ti vi	7		
2	Cát xét	0		
3	Đầu video/đầu đĩa	0		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2		
5	Thiết bị khác (LOA BLUETOOTH)	14		
6	Laptop	0		
7	Bảng tương tác	1		

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho HS bán trú	0	0	0
XIII	Nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho GV	Dùng cho HS		Số (m²)/học sinh	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn VS	2	0	4/4		
2	Chưa đạt chuẩn VS	0	0	0		

b) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt⁶; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

STT	Môn học	Bộ SGK học	Ghi chú
1	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống	
2	Ngữ văn	Cánh diều	
3	Tiếng Anh	I-learn smart world	
4	Vật lý	Kết nối tri thức với cuộc sống	
5	Hóa học	Cánh diều	
6	Sinh học	Kết nối tri thức với cuộc sống	
7	Tin học	Cánh diều	
8	Lịch sử	Cánh diều	
9	Địa lí	Kết nối tri thức với cuộc sống	
10	GDKT&PL	Kết nối tri thức với cuộc sống	
11	GDQP&AN	Kết nối tri thức với cuộc sống	
12	Giáo dục thể chất	Kết nối tri thức với cuộc sống	
13	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Cánh diều	

⁶ Danh mục SGK sử dụng ở trường THPT Trần Văn Lan năm học 2025-2026

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục

Trường đã được Sở GD&ĐT Nam Định công nhận Đạt Chuẩn giáo dục cấp độ 1, Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, Chuẩn “Xanh-Sạch-Đẹp-an toàn”⁷

b) Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm⁸.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025:

Tổng	Số lượn g	Rèn luyện								Học tập							
		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
	1017	1002	98,5	14	1,38	1	0,1	0	0	759	74,6	245	24,1	12	1,18	0	0
Lớp10	358	349	97,5	8	2,23	1	0,28	0	0	167	46,7	179	50	11	3,07	0	0
Lớp11	348	343	98,6	5	1,4	0	0	0	0	281	80,8	66	19	1	0,29	0	0
Lớp12	311	310	99,7	1	0,32	0	0	0	0	311	100	0	0	0	0	0	0

Kết quả chung năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỉ lệ so với tổng số)	1017/1017	358/358	348/348	
2	HS xuất sắc (tỉ lệ so với tổng số)				
3	HSG giỏi (tỉ lệ so với tổng số)	759/1017	167/358	281/348	311/311
4	Thi lại (tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
5	Lưu ban (tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Chuyển trường đến/đi (tỉ lệ so với tổng số)	Đến:0 ; Đi : 0			
7	Bị đuổi học (tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
8	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số HS đạt giải các kỳ thi HSG				
1	Cấp cụm/huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh	61	32	15	14
3	Quốc gia, khu vực, quốc tế	0	0	0	0
III	Số HS dự xét/dự thi tốt nghiệp	311			311
IV	Số HS được công nhận tốt nghiệp	311			311
1	Giỏi (tỉ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỉ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỉ lệ so với tổng số)				

⁷ Quyết định 520/QĐ-SGDĐT ngày 25/3/2024 về việc công nhận kết quả đánh giá ngoài và cấp giấy chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục

⁸ Quyết định số 150/QĐ-THPTTVL ngày 03/11/2025 về việc thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch số 152/KH-THPTTVL ngày 03 tháng 11 năm 2025 Kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục năm học 2025-2026;

V	Số HS thi đỗ Đại học, cao đẳng (tỉ lệ so với tổng số)	250	0	0	250
VI	Số HS nam/nữ				
VII	Số HS dân tộc	0	0	0	0
VIII	Số HS khuyết tật	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2024

1. Tình hình tài chính trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau (năm 2024):

STT	Nội dung công khai	Số tiền	Đơn vị tính
Tình hình thu chi năm 2024			
1	Nguồn thu		
	Ngân sách	10.234	Triệu đồng
	Học phí	783,630	Triệu đồng
	Thu theo thỏa thuận	0	
	Thu khác	2.301	Triệu đồng
	Chi từ nguồn học phí	783,630	Triệu đồng
	Chi từ nguồn thu thỏa thuận	0	
	Chi từ nguồn thu khác	2.301	Triệu đồng
2	Các khoản và mức thu năm học 2024-2025		
	Học phí	90.000	Đồng/hs/tháng
	Học thêm	5.000	Đồng/tiết
	Tiền tổ chức học Ngoại ngữ với người nước ngoài	50.000	Đồng/tiết
	Tiền nước uống	10.000	Đồng/hs/tháng
	Tiền coi xe (đối với HS đi phương tiện tới trường): Xe đạp	10.000	Đồng/hs/tháng
	Xe đạp điện	15.000	Đồng/hs/tháng
	Xe máy, xe máy điện	20.000	Đồng/hs/tháng
3	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn giảm, học phí năm học 2024-2025		
	Chính sách: Miễn giảm tiền học phí cho học sinh hộ nghèo, cận nghèo, học sinh khuyết tật hoà nhập		
	Kết quả thực hiện	12.698	Nghìn đồng
	Miễn giảm tiền học phí cho học sinh hộ nghèo, cận nghèo	11.880	Nghìn đồng
	Miễn giảm tiền học phí cho học sinh khuyết tật hoà nhập	810	Nghìn đồng
4	Số dư các quỹ theo quy định		
	Quỹ khen thưởng	27	Triệu đồng
	Quỹ phúc lợi	22	Triệu đồng
	Quỹ bổ sung thu nhập	0	Triệu đồng

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	121	Triệu đồng
------------------------------------	-----	------------

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC NĂM HỌC 2024-2025

- Học sinh hoàn thành chương trình: 311

- Học sinh được khen thưởng: 820

Cấp Tỉnh: 61

Cấp trường: 759 HS

3. Kết quả các phong trào thi đua; các Hội thi; Cuộc thi

Kết quả các hội thi của giáo viên và học sinh:

* Giáo viên:

Tham gia tốt hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt kết quả tốt. 4/4 đồng chí dự thi đạt GVG trong đó có 01 giải Nhì, 02 giải Ba, 01 giải KK cá nhân. Toàn đoàn xếp thứ 9/45 trường THPT công lập, được cờ giải Nhì;

* Học sinh:

- Kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đạt và vượt yêu cầu theo chỉ tiêu kế hoạch của nhà trường đề ra.

Kết quả rèn luyện của 3 khối: Xếp loại Tốt: 1002/1017 chiếm 98,5%; Xếp loại Khá: 14/1017 chiếm 1,38%; Xếp loại Đạt: 1/1017 chiếm 0,1%; không có học sinh nào xếp loại Chưa đạt.

Kết quả học tập của 3 khối: Xếp loại Tốt: 759/1017 chiếm 74,6%; Xếp loại Khá: 245/1017 chiếm 24,1%; Xếp loại Đạt: 12/1017 chiếm 1,18%; không có học sinh nào xếp loại chưa đạt.

- Thi học sinh giỏi cấp tỉnh: Vượt kế hoạch.

Đội tuyển các môn văn hoá thi cấp tỉnh đạt cờ Khuyến Khích toàn đoàn, xếp thứ 31/45. Các đội tuyển môn xã hội 100% có giải cao (Ngữ văn 12 đạt 02 giải Nhì; Ngữ văn 11 đạt 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 giải KK; Lịch sử 12 đạt 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 01 giải KK; Địa lí 12 đạt 01 giải Nhì, 01 giải KK; Tiếng Anh 12 đạt 01 giải KK; Tiếng Anh 11 đạt 01 giải KK). Các môn tự nhiên đạt giải: Tin học đạt 1 giải Ba, 01 giải KK; Sinh học đạt 02 giải KK.

Đội tuyển TDTT thi cấp tỉnh đạt cờ Nhất toàn đoàn, xếp thứ 3 toàn tỉnh (02 giải Nhất, 01 giải Nhì, 02 giải Ba, 04 giải KK).

Đội tuyển thi Hùng biện Tiếng Anh cấp tỉnh đạt giải KK toàn đoàn (02 giải KK).

Đội tuyển thi các môn KHTN bằng Tiếng Anh đạt 02 giải Ba (môn Hoá, môn Sinh) và 01 giải KK (môn Sinh).

- Đỗ tốt nghiệp THPT 100%. Xếp thứ 57 toàn tỉnh Ninh Bình.

* Các phong trào và cuộc thi khác:

Phong trào viết, vận dụng sáng kiến: 11/12 sáng kiến dự thi cấp ngành được công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp ngành GD&ĐT Nam Định. Có 02 SKKN được Sở KH&CN công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp Tỉnh.

Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học phổ thông và ngày hội STEM do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức: Toàn đoàn đạt cờ giải Nhì (02 giải Nhì KHKT, Giấy khen STEM).

Cuộc thi “Ý tưởng HSSV với khởi nghiệp”: đạt giải Ba cấp Tỉnh.

Cuộc thi Giai điệu tuổi hồng đạt 02 giải Nhất, 02 giải Nhì, đạt giải Nhì toàn đoàn.

Tham gia giải Chạy Thử thách S-Race family and School lần thứ I năm 2024 đạt giải Nhất toàn đoàn, giải cá nhân đạt 12 giải nhất GV-HS; 01 giải Nhất CMHS-HS; 02 giải Ba GV-HS.

Cuộc thi viết về thầy cô và mái trường mến yêu, cuộc thi “Ý tưởng khởi nghiệp” đạt 01 giải Ba, An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai (Có 02 sản phẩm của GV lọt vào vòng thi cấp Bộ, trong đó 01 sản phẩm đạt giải Ba cấp Bộ).

Kết quả hưởng ứng các cuộc vận động, ủng hộ các quỹ: Xóa nhà tạm nhà dột nát thành phố Nam Định (5.850.000 đ).

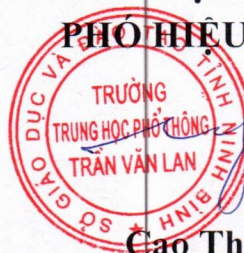
* Công tác kiểm tra nội bộ

Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo của cấp trên. Cử CBGV tham gia các đợt tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thành viên Ban kiểm tra nội bộ¹⁴. Ban kiểm tra nội bộ xây dựng Kế hoạch kiểm tra nội bộ cùng danh mục kiểm tra nội bộ hàng tháng và được phê duyệt theo Quyết định. Phân công nhiệm vụ từng thành viên trong ban KTNB. Ban kiểm tra nội bộ tiến hành kiểm tra các nội dung theo kế hoạch⁹./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng;
- Các Phó hiệu trưởng;
- Các tổ;
- Web trường;
- Lưu VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Thị Nghĩa

⁹ Công văn công văn 863/SGDDĐT-TTr ngày 19/9/2025 v/v hướng dẫn công tác kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026; Số 37/QĐ-THPTTVL ngày 19 tháng 9 năm 2025, Quyết định về việc thành lập Ban kiểm tra nội bộ trường THPT Trần Văn Lan năm học 2025-2026; số 54/QĐ-THPTTVL ngày 22/9/2025- QĐ phê duyệt Kế hoạch kiểm tra nội bộ; số 59/QĐ-THPTTVL ngày 22/9/2025- ban hành quy chế kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026; QĐ kiểm tra Nội bộ tháng 10, 11, 12, 01... và Kế hoạch Kiểm tra nội bộ năm học 2025-2026, Kế hoạch mỗi tháng

THỐNG KÊ SĨ SỐ HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026

Tên lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ DT		Nội trú		Bán trú	
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)
Khối 10	334	156	46.71%	1	0.30%	1	0.30%	0	0.00%	0	0.00%
10A1	42	13	30.95%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A2	40	19	47.50%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A3	37	16	43.24%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A4	38	10	26.32%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A5	45	9	20.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A6	43	26	60.47%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A7	44	27	61.36%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
10A8	45	36	80.00%	1	2.22%	1	2.22%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 11	341	161	47.21%	1	0.29%	1	0.29%	0	0.00%	0	0.00%
11A8	45	30	66.67%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A1	40	12	30.00%	1	2.50%	1	2.50%	0	0.00%	0	0.00%
11A2	38	13	34.21%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A3	39	9	23.08%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A4	40	8	20.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A5	45	29	64.44%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A6	48	27	56.25%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
11A7	46	33	71.74%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 12	347	174	50.14%	1	0.29%	1	0.29%	0	0.00%	0	0.00%
12A8	46	26	56.52%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A1	36	11	30.56%	1	2.78%	1	2.78%	0	0.00%	0	0.00%
12A2	37	9	24.32%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A3	39	6	15.38%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A4	50	38	76.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A5	47	35	74.47%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A6	50	31	62.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
12A7	42	18	42.86%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%	0	0.00%
Tổng cộng	1022	491	48.04%	3	0.29%	3	0.29%	0	0.00%	0	0.00%

Phường Thiên Trường, ngày 13 tháng 06 năm 2026

KT. HIỆU TRƯỞNG


PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Cao Thị Nghĩa



SỞ GD&ĐT NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN LAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO DANH SÁCH HỌC SINH THUỘC ĐIỆN CHÍNH SÁCH

STT	Mã học sinh	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Điện ưu tiên	Điện chính sách	Ghi chú
Lớp 10A1								
1	36000706-00-4822	Phùng Quang Anh	29/9/2010	Nam	Kinh		Điện chính sách khác	
Lớp 10A7								
2	36000706-00-5081	Nguyễn Thu Hoài	01/11/2010	Nữ	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
3	36000706-00-5108	Bùi Thị Huyền Trang	03/02/2010	Nữ	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
Lớp 10A8								
4	36000706-00-4966	Mai Lưu Hồng Ngọc	27/6/2010	Nữ	Kinh		Có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định	
Lớp 11A8								
5	54726149	Chu Thị Thủy Dương	22/7/2009	Nữ	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
Lớp 11A4								
6	54625218	Nguyễn Quốc Huy	09/7/2008	Nam	Kinh	Người bị khuyết tật	Bị tàn tật, khuyết tật	
Lớp 12A1								
7	52245482	Trịnh Văn Chiến	21/3/2008	Nam	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
8	52245487	Nguyễn Doãn Thùy Dương	22/02/2008	Nữ	Kinh		Con hộ nghèo thuộc CT135	
9	52245509	Trần Huy Thịnh	12/6/2008	Nam	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	
Lớp 12A2								
10	52245505	Trần Ngọc Quân	17/11/2008	Nam	Kinh		Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	

THỐNG KÊ TỈ LỆ HỌC SINH NAM NỮ THEO KHỐI NĂM HỌC 2025-2026

Tên lớp	Tổng số HS	Nữ		Nam		Ghi chú
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	
Khối 10	334	156	46.71%	178	53.29%	
Khối 11	341	161	47.21%	180	52.79%	
Khối 12	347	174	50.14%	173	49.86%	
Toàn trường	1022	491	48.04%	531	51.96%	

Người lập báo cáo
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRẦN VĂN LAN
Cao Thị Nghĩa

Phường Thiên Trường, Ngày 13 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO DANH SÁCH HỌC SINH CHUYỂN ĐẾN
CẢ NĂM**

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chuyển từ trường	Lớp chuyển đến	Ngày chuyển	Ghi chú
1	Trần Bảo Linh	22-02-2010	Nữ		10A2	27-01-2026	Thêm mới từ hồ sơ học sinh
2	Trần Bảo Nam	22-10-2009	Nam		11A1	05-09-2025	Thêm mới từ hồ sơ học sinh

Người lập báo cáo
PHÓ HIỆP TRƯỞNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TRẦN VĂN LAN
Cao Thị Nghĩa

Trường THPT Trần Văn Lan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



THỐNG KÊ KẾT QUẢ CUỐI NĂM

NĂM HỌC 2025-2026

Khối	Lớp	SS	SS thực tế	LÊN LỚP		Ở LẠI	
				TS	%	TS	%
Khối 10	10A1	42	42	42	100	0	0
	10A2	41	40	40	100	0	0
	10A3	37	37	37	100	0	0
	10A4	39	38	38	100	0	0
	10A5	45	45	45	100	0	0
	10A6	44	43	43	100	0	0
	10A7	44	44	44	100	0	0
	10A8	45	45	45	100	0	0
	TC	337	334	334	100.00	0	0.00
Khối 11	11A8	45	45	45	100	0	0
	11A1	41	40	40	100	0	0
	11A2	38	38	38	100	0	0
	11A3	39	39	39	100	0	0
	11A4	41	40	40	100	0	0
	11A5	46	45	45	100	0	0
	11A6	50	48	48	100	0	0
	11A7	47	46	46	100	0	0
	TC	347	341	341	100.00	0	0.00
TỔNG SỐ		684	675	675	100	0	0

BÁO CÁO DANH SÁCH HỌC SINH CHUYỂN TRƯỜNG
CẢ NĂM

STT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ngày chuyển	Trường chuyển đến	Ghi chú
1	Trần Đức Mạnh	17-10-2010	Nam	10A2	23-01-2026	THPT B Nguyễn Huệ (36000704)	Theo gia đình
2	Phạm Như Quỳnh	05-02-2010	Nữ	10A4	19-01-2026	Trường THPT Phúc Lợi	Theo gia đình.
3	Trần Minh Anh	15-01-2010	Nam	10A6	03-02-2026	Trường THPT A Trần Hưng Đạo (36000701)	Theo gia đình
4	Nguyễn Quang Thịnh	02-06-2009	Nam	11A1	29-08-2025	Trường THPT A Trần Hưng Đạo (36000701)	Theo gia đình
5	Lê Vy Ngân	14-10-2009	Nữ	11A6	10-09-2025	THPT B Nguyễn Khuyến	Theo gia đình

Người lập báo cáo



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Cao Thị Nghĩa